TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **138**/2021/HS-PT
Ngày: 10-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Long**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**
Ông **Lê Phước Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 189/2020/TLPT-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Đình T. Do có kháng cáo của bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn H, ông Trần Văn Đ, ông Phan Hữu T, anh Phan Văn D, anh Lê Văn L. đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 28 - 4 - 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 714/2021/QĐXXPT-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Đình T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/7/1982 tại Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Nghệ An; Nghề nghiệp: Kinh doanh. Chức vụ: Giám đốc công ty; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1955 - hiện sống ở tại Nghệ An; anh, chị em ruột: có 06 người, T là con thứ hai trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị T (đã ly hôn); con: Có 02 người (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2009).

Tiền án, tiền sự: Không. Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình T:*

(Bị cáo đã có Đơn từ chối người bào chữa, nộp tại phiên tòa phúc thẩm).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1953; Địa chỉ: tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ: tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

3. Ông Phan Văn D, sinh năm 1986; Địa chỉ: tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4. Ông Phan Hữu T, sinh năm 1972 – Địa chỉ: tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

5. Anh Lê Văn L, sinh năm 1994; Địa chỉ: tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

(Ngoài ra trong vụ án còn có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/9/2017 Cơ quan A ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình tiếp nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến một số công dân lao động bất hợp pháp tại nước Nhật Bản bị trục xuất về nước do Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Bình chuyển đến.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng tháng 7 đến tháng 9 năm 2016, vì có nhu cầu sang nước ngoài lao động nên 09 đối tượng ở tỉnh Quảng Bình, gồm: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989; Nguyễn Hồng T, sinh năm 1994 (cùng trú tại M, Q, B); Phan Thị D, sinh năm 1996 ở B; Nguyễn Văn H, sinh năm 1996 ở B; Lê Xuân H, sinh năm 1974 ở Đ; Lê Văn L, sinh năm 1994 ở N, B; Ngô Xuân L, sinh năm 1974 ở B; Ngô Bình A, sinh năm 1978 ở Đ; Hoàng Thanh H, sinh năm 1988 ở Đ đã tìm đến Nguyễn Văn M, sinh năm 1966 ở M, Q, B; Lê Thanh Đ, sinh năm 1984 ở Nội H, H Trạch, B và Lê Văn H, sinh năm 1953 ở Hà Đ để nhờ giới thiệu, giúp đỡ, hướng dẫn làm thủ tục đi nước ngoài. Qua bàn bạc, trao đổi 09 người trên đã đồng ý làm thủ tục để được đi Nhật Bản với giá từ 9.000 - 14.000 USD/01 người để được bố trí nơi ăn, nghỉ và làm việc ở Công ty tại Nhật Bản với mức lương là 2.000 USD/tháng.

Sau khi thống nhất Nguyễn Văn M đã đưa Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hồng T đến gặp Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1961 ở Nghệ An, qua trao đổi L đồng ý làm thủ tục đi Nhật Bản cho Nguyễn Thanh T và Nguyễn Hồng T với giá 200.000.000 đồng/người. Sau đó T và T đã đặt cọc mỗi người 10 triệu đồng cho L thông qua Nguyễn Văn M. Sau đó L chuyển cho Nguyễn Đình T.

Lê Văn H sau khi được Nguyễn Đình T là Giám đốc Công ty TNHH nhân lực Q Hà A tư vấn, giới thiệu về đường dây trốn đi Nhật Bản bằng đường du lịch rồi ở lại Nhật Bản sẽ được bố trí công ăn việc làm, nơi ăn chốn ở... H đã thu tiền cọc mỗi người 1.000 USD cùng hồ sơ của 05 người gồm Lê Xuân H, Lê Văn L, Ngô Xuân L, Ngô Bình A, Hoàng Thanh H rồi trực tiếp đến tại Công ty TNHH nhân lực Q Hà A do Nguyễn Đình T làm giám đốc nộp hồ sơ để T làm

thủ tục cho 05 người này đi Nhật Bản với chi phí 9.500 USD đến 10.000 USD mỗi người.

Lê Thanh Đ đã thống nhất với Phan Thị D và Nguyễn Văn H là sẽ giúp làm thủ tục cho D và H đi Nhật Bản với giá 14.000 USD. Sau đó Đ đã chuyển hồ sơ của D và H cho Lăng M T.

Ngoài 09 công dân ở tỉnh Quảng Bình nêu trên, trong đoàn xuất cảnh qua Nhật Bản bằng hình thức du lịch vào ngày 14/11/2016 còn có thêm 11 người khác ở các tỉnh Nghệ An (08 người), tỉnh Hà Tĩnh (02 người), thành phố Hồ Chí Minh (01 người). Trong đó bị can T đã trực tiếp nhận hồ sơ, tiền và làm thủ tục cho 05 người, cụ thể gồm Cao Đình M, Nguyễn Thị T, Trần Văn Đ, Phan Văn D và Phan Hữu T.

Đối với Nguyễn Đình T và Lăng M T: Sau khi nhận được tiền cọc và hồ sơ của những người trên do L, Đ và H chuyển đến, Nguyễn Đình T, Lăng M T và những đối tượng khác trong đường dây đã hợp thức hóa hồ sơ, làm giả hợp đồng lao động cho các công dân này thành nhân viên của một số công ty ở Sài Gòn, lập giấy xác nhận cho những người này được nghỉ phép để đi du lịch rồi nộp hồ sơ thông qua Công ty TNHH Thương mại du lịch kỳ nghỉ Q có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh để xin visa cho những người này đi du lịch tại Nhật Bản trong thời gian từ ngày 14/11/2016 đến ngày 18/11/2016 với chi phí là 36.200.000 đồng/01 người.

Sau khi có được Visa T và T đã thông báo cho L, Đ, H, M để những người này thông báo, dẫn 20 người trên vào thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục xuất cảnh đi Nhật Bản. Đến ngày 14/11/2016 tại thành phố Hồ Chí Minh 20 người này đã được tập hợp tại Khách sạn E ở thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây 20 người này đã được Nguyễn Đình T dặn dò, hướng dẫn cụ thể cách thức đi Nhật Bản và cách thức đối phó với cơ quan chức năng khi được hỏi và đưa cho mỗi người 01 biên bản thỏa thuận được ký giữa công ty của T và những người này. Đến tối cùng ngày những người này được Công ty TNHH thương mại du lịch kỳ nghỉ Q làm thủ tục xuất cảnh sang Nhật Bản.

Sau khi đến Nhật Bản vì không có việc làm ổn định nên một số người đã đến Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản trình báo và bị đưa về Việt Nam sau đó làm đơn tố cáo Nguyễn Đình T.

* Kết quả điều tra tại thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- Công ty TNHH thương mại du lịch kỳ nghỉ Q (H) xác nhận người đại diện ký hợp đồng với công ty là ông Trần Văn Đ, ông Nguyễn Đình T là người đã lên công ty đặt cọc tiền và sổ tiết kiệm cho đoàn khởi hành đúng ngày.

- Công ty TNHH TM và Dịch vụ P xác định Công ty không có nhân viên nào có tên Nguyễn Văn H, Lê Xuân H, Phan Thị D, Lê Văn Luận. Năm 2016 công ty không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản.

- Công ty TNHH MTV hóa chất QQ xác định không ký hợp đồng với nhân viên nào có tên Nguyễn Thanh T. Công ty không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản.

- Công ty TNHH TM S xác định không ký hợp đồng với nhân viên nào có tên Hoàng Thanh H, Ngô Bình A. Trong năm 2016 không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản.

Đã tiến hành thu thập mẫu dấu và chữ ký của những người làm giám đốc của các công ty trên và tiến hành trưng cầu giám định mẫu dấu và chữ ký của giám đốc tại các Công ty này với mẫu dấu và chữ ký có trên các hợp đồng lao động (gồm có 07 hợp đồng), kết quả: Tại Kết luận giám định số 417 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Mẫu dấu và chữ ký của ông Trương Quốc H do Cơ quan ANĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh thu thập với mẫu dấu và chữ ký trên các Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH TM và Dịch vụ P với Nguyễn Văn H, Lê Xuân H, Phan Thị D, Lê Văn L, dấu không phải của công ta P và chữ ký không phải do Trương Quốc H ký; Mẫu dấu và chữ ký của bà Lê Thị Thanh L giám đốc Công ty TNHH TM S với mẫu dấu và chữ ký trên các hợp đồng lao động giữa công ty Công ty TNHH TM S với Hoàng Thanh H, Ngô Bình A, dấu không phải của Công ty và chữ ký không phải do bà L ký; Mẫu dấu và chữ ký của ông Phạm Văn Khôi giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất QQ với mẫu dấu và chữ ký trên các hợp đồng lao động giữa công ty Công ty TNHH MTV hóa chất QQ với Nguyễn Thanh T, dấu không phải của Công ty và chữ ký không phải do ông Khôi ký (BL: 58-59).

Tại Bản kết luận giám định số 1056 ngày 17/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, đối với Biên bản thỏa thuận, giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH nhân lực Q Hà A, địa chỉ Nghệ An và Bên B người đại diện Ngô Xuân L, địa chỉ xã B, Quảng Bình kết luận: Hình dấu tròn trên Biên bản thỏa thuận cần giám định với hình dấu tròn của Công ty TNHH nhân lực Q Hà A do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cung cấp là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T dưới mục Bên A trên Biên bản thỏa thuận cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đình T là do cùng một người ký ra. Các chữ số 21, 09, 2016 tại dòng ngày, tháng, năm của mục Bên A trên Biên bản thỏa thuận cần giám định với chữ viết của Nguyễn Đình T là do cùng một người viết ra. (BL: 140-141).

Tại Bản kết luận giám định số 225 ngày 05/3/2019 và số 255 ngày 22/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, đối với Biên bản thỏa thuận, giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH nhân lực Q Hà A, địa chỉ Nghệ An và Bên B người đại diện Trần Văn Đ, địa chỉ Hà Tĩnh và Biên bản thỏa thuận giữa Bên A người đại diện

Nguyễn Đình T, chức vụ Giám đốc Công ty TNHH nhân lực Q Hà A, địa chỉ Nghệ An và Bên B người đại diện Cao Đình M, địa chỉ tỉnh Nghệ An, kết luận: Hình dấu tròn trên 02 Biên bản thỏa thuận cần giám định với hình dấu của Công ty TNHH nhân lực Q Hà A là do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T dưới mục Bên A trên 02 Biên bản thỏa thuận cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đình T là do cùng một người ký ra (BL: 1042-1043; 1047-1048).

Quá trình điều tra Nguyễn Đình T không thừa nhận và cho rằng người có tội là ông Trương Hoàng Giang (Giám đốc công ty TNHH dịch vụ du lịch Hoàng Giang Khang, Giang đã chết).

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Nguyễn Đình T đã trực tiếp giao nộp 02 bản phô tô công chứng, gồm "Bản cam kết" và "Biên bản giao - nhận tiền" giữa Nguyễn Đình T và Trương Hoàng Giang có chữ ký đứng tên Trương Hoàng G. T khai nhận Bản cam kết là do Trương Hoàng G làm, T và G thống nhất nội dung như trong Bản cam kết, rồi T và G trực tiếp ký vào và T trực tiếp đóng dấu của Công ty T; Đối với Biên bản giao - nhận tiền thì T trực tiếp lập, ký tên, đóng dấu của Công ty T rồi G trực tiếp ký trước mặt T. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định trả hồ sơ yêu cầu giám định chữ ký của Trường Hoàng G. Tại bản kết luận giám định số 54/PC09(GĐ) ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Chữ ký đúng tên Trương Hoàng G dưới mục "Bên A" trên 02 tài liệu cần giám định do Nguyễn Đình T giao nộp không phải do Trương Hoàng G ký ra (BL: 13-75-1376, 1393, 1415-1449, 1450-1458).

Với các nội dung trên,

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 28 - 4 - 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội: "*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài*".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 275 BLHS năm 1999 xử phạt: Nguyễn Đình T **3 năm 6 tháng** (ba năm sáu tháng) tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định,

- Ngày 11/5/2020 bị cáo Nguyễn Đình T có kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Có sự vi phạm trong thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử. Kết luận trong bản án không đúng với những tình tiết khách quan của vụ án, bị cáo không có hành vi như bản án sơ thẩm đã kết luận;

- Ngày 11, 12, 13/5/2020, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, ông Trần Văn Đ, ông Phan Hữu T, anh Phan Văn D, anh Lê Văn L có đơn kháng cáo cùng với nội dung: Bản án sơ thẩm không phản ánh đúng sự thật khách quan, không đúng với tình tiết của vụ án. Ông Phan Hữu T, ông Trần Văn Đ, anh Lê Văn L đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét huỷ bản án sơ thẩm về những vấn đề liên quan đến người kháng cáo. Ông Lê Văn H, anh Phan Văn D đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm để đảm bảo tính trung thực, khách quan, mang lại công bằng, tránh oan sai người vô tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ngày 08/9/2017 Cơ quan A ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình tiếp nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến một số công dân lao động bất hợp pháp tại nước Nhật Bản bị trục xuất về nước do Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Bình chuyển đến.

Theo kết quả điều tra, Cơ quan điều tra xác định: Vào khoảng tháng 7 đến tháng 9/2016, vì có nhu cầu sang nước ngoài lao động nên 09 công dân ở tỉnh Quảng Bình, gồm: Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hồng T, Phan Thị D, Nguyễn Văn H, Lê Xuân H, Lê Văn L, Ngô Xuân L, Ngô Bình A, Hoàng Thanh H đã tìm đến Nguyễn Văn M, Lê Thanh Đ, Lê Văn H để nhờ giới thiệu, giúp đỡ, hướng dẫn làm thủ tục đi nước ngoài. Qua bàn bạc, trao đổi 09 người trên đã đồng ý làm thủ tục để được đi Nhật Bản với giá từ 9.000 - 14.000 USD/01 người để được bố trí nơi ăn, nghỉ và làm việc ở Công ty tại Nhật Bản với mức lương là 2.000 USD/tháng.

Sau khi thống nhất Nguyễn Văn M đã đưa Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hồng T đến gặp Nguyễn Ngọc L ở Nghệ An, qua trao đổi L đồng ý làm thủ tục đi Nhật Bản cho T, T với giá 200.000.000 đồng/người. Sau đó T, T đã đặt cọc mỗi người 10 triệu đồng cho L thông qua Nguyễn Văn M. Sau đó L chuyển cho Nguyễn Đình T.

Lê Văn H sau khi được Nguyễn Đình T (là Giám đốc Công ty TNHH nhân lực Q Hà A) tư vấn, giới thiệu về đường dây đi Nhật Bản bằng đường du lịch rồi trốn ở lại Nhật Bản sẽ được bố trí công ăn việc làm, nơi ăn chốn ở ... H đã thu tiền cọc mỗi người 1.000 USD cùng hồ sơ của 05 người gồm Lê Xuân H, Lê Văn L, Ngô Xuân L, Ngô Bình A, Hoàng Thanh H rồi trực tiếp đến tại Công ty TNHH nhân lực Q Hà A nộp hồ sơ để T làm thủ tục cho 05 người này đi Nhật Bản với chi phí 9.500 USD đến 10.000 USD mỗi người.

Lê Thanh Đ đã thống nhất với Phan Thị D và Nguyễn Văn H là sẽ giúp làm thủ tục cho D và H đi Nhật Bản với giá 14.000 USD. Sau đó Đ đã chuyển hồ sơ của D, cho Lăng M T.

Ngoài 09 công dân ở tỉnh Quảng Bình nêu trên, trong đoàn xuất cảnh qua Nhật Bản bằng hình thức du lịch vào ngày 14/11/2016 còn có thêm 11 người khác ở các tỉnh Nghệ An (08 người), tỉnh Hà Tĩnh (02 người), thành phố Hồ Chí Minh (01 người). Trong đó bị can T đã trực tiếp nhận hồ sơ, tiền và làm thủ tục cho 05 người, cụ thể gồm Cao Đình M, Nguyễn Thị T, Trần Văn Đ, Phan Văn D và Phan Hữu T.

Đối với Nguyễn Đình T và Lăng M T: Sau khi nhận được tiền cọc và hồ sơ của những người trên do L, Đ và H chuyển đến, Nguyễn Đình T, Lăng M T và những đối tượng khác trong đường dây đã hợp thức hóa hồ sơ, làm giả hợp đồng lao động cho các công dân này thành nhân viên của một số công ty ở Sài Gòn, lập giấy xác nhận cho những người này được nghỉ phép để đi du lịch rồi nộp hồ sơ thông qua Công ty TNHH Thương mại du lịch kỳ nghỉ Q có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh để xin visa cho những người này đi du lịch tại Nhật Bản trong thời gian từ ngày 14/11/2016 đến ngày 18/11/2016 với chi phí là 36.200.000 đồng/01 người.

Sau khi có được visa, T, T đã thông báo cho L, Đ, H, M để những người này thông báo, dẫn 20 người trên vào thành phố Hồ Chí Minh để làm thủ tục xuất cảnh đi Nhật Bản. Đến ngày 14/11/2016, tại thành phố Hồ Chí Minh 20 người này đã được tập hợp tại Khách sạn E ở thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây 20 người này đã được Nguyễn Đình T dặn dò, hướng dẫn cụ thể cách thức đi Nhật Bản và cách thức đối phó với cơ quan chức năng khi được hỏi và đưa cho mỗi người 01 biên bản thỏa thuận được ký giữa công ty của T với những người này. Đến tối cùng ngày, những người này được Công ty TNHH thương mại du lịch kỳ nghỉ Q làm thủ tục xuất cảnh sang Nhật Bản.

Sau khi đến Nhật Bản vì không có việc làm ổn định nên một số người đã đến Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản trình báo và bị đưa về Việt Nam sau đó làm đơn tố cáo Nguyễn Đình T.

Kết quả điều tra tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Công ty TNHH thương mại du lịch kỳ nghỉ Q (H) xác nhận người đại diện ký hợp đồng với Công ty là ông Trần Văn Đ. Ông Nguyễn Đình T là người đã lên Công ty đặt cọc tiền và sổ tiết kiệm cho đoàn khởi hành đúng ngày. Công ty TNHH TM và Dịch vụ P xác định Công ty không có nhân viên nào có tên Nguyễn Văn H, Lê Xuân H, Phan Thị D, Lê Văn Luận. Năm 2016, Công ty không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản. Công ty TNHH MTV hóa chất QQ xác định không ký hợp đồng với nhân viên nào có tên Nguyễn Thanh T. Công ty không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản. Công ty TNHH TM S xác định không ký

hợp đồng với nhân viên nào có tên Hoàng Thanh H, Ngô Bình A. Trong năm 2016 không tổ chức cho nhân viên đi du lịch tại Nhật Bản.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập mẫu dấu và chữ ký của những người làm giám đốc của các công ty trên và tiến hành trưng cầu giám định mẫu dấu và chữ ký của giám đốc tại các công ty này với mẫu dấu và chữ ký có trên các hợp đồng lao động (gồm có 07 hợp đồng), kết quả: Tại Kết luận giám định số 417 ngày 11/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Mẫu dấu và chữ ký của ông Trương Quốc H do Cơ quan ANĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh thu thập với mẫu dấu và chữ ký trên các Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH TM và Dịch vụ P với Nguyễn Văn H, Lê Xuân H, Phan Thị D, Lê Văn L, dấu không phải của công ty P và chữ ký không phải do Trương Quốc H ký; Mẫu dấu và chữ ký của bà Lê Thị Thanh L giám đốc Công ty TNHH TM S với mẫu dấu và chữ ký trên các hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH TM S với Hoàng Thanh H, Ngô Bình A, dấu không phải của Công ty và chữ ký không phải do bà L ký; Mẫu dấu và chữ ký của ông Phạm Văn Khôi giám đốc Công ty TNHH MTV Hóa chất QQ với mẫu dấu và chữ ký trên các hợp đồng lao động giữa công ty Công ty TNHH MTV hóa chất QQ với Nguyễn Thanh T, dấu không phải của Công ty và chữ ký không phải do ông Khôi ký (BL: 58-59). Tại Bản kết luận giám định số 1056 ngày 17/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, đối với Biên bản thỏa thuận, giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T và Bên B người đại diện Ngô Xuân L, kết luận: Hình dấu tròn trên Biên bản thỏa thuận cần giám định với hình dấu tròn của Công ty TNHH nhân lực Q Hà A do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cung cấp là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T dưới mục Bên A trên Biên bản thỏa thuận cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đình T là do cùng một người ký ra. Các chữ số 21, 09, 2016 tại dòng ngày, tháng, năm của mục Bên A trên Biên bản thỏa thuận cần giám định với chữ viết của Nguyễn Đình T là do cùng một người viết ra (BL: 140-141). Tại Bản kết luận giám định số 225 ngày 05/3/2019 và số 255 ngày 22/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, đối với Biên bản thỏa thuận, giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T và Bên B người đại diện Trần Văn Đ và Biên bản thỏa thuận giữa Bên A người đại diện Nguyễn Đình T và Bên B người đại diện Cao Đình M, kết luận: Hình dấu tròn trên 02 Biên bản thỏa thuận cần giám định với hình dấu của Công ty TNHH nhân lực Q Hà A là do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T dưới mục Bên A trên 02 Biên bản thỏa thuận cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đình T là do cùng một người ký ra (BL: 1042-1043; 1047-1048).

Quá trình điều tra Nguyễn Đình T không thừa nhận hành vi phạm tội. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 23/12/2019, Nguyễn Đình T đã trực tiếp giao nộp

02 bản phô tô công chứng, gồm "Bản cam kết" và "Biên bản giao - nhận tiền" giữa Nguyễn Đình T và Trương Hoàng G có chữ ký đứng tên Trương Hoàng G. T khai nhận Bản cam kết là do Trương Hoàng G làm, T và G thống nhất nội dung như trong bản cam kết rồi T và G trực tiếp ký vào và T trực tiếp đóng dấu của Công ty T; Đối với Biên bản giao - nhận tiền thì T trực tiếp lập, ký tên, đóng dấu của Công ty T rồi G trực tiếp ký trước mặt T. Tại bản kết luận giám định số 54/PC09(GĐ) ngày 09/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Chữ ký đứng tên Trương Hoàng G dưới mục "Bên A" trên 02 tài liệu cần giám định do Nguyễn Đình T giao nộp không phải do Trương Hoàng G ký ra (02 tài liệu là giả) (BL: 1375-1376, 1393, 1415-1449, 1450-1458).

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình T tiếp tục không thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Nguyễn Đình T chỉ khai nhận do trước đó Công ty TNHH Nhân lực Q Hà A do Nguyễn Đình T làm Giám đốc có nhận hồ sơ của Cao Đình M, Nguyễn Thị T, Trần Văn Đ, Phan Văn D để làm thủ tục đi Mỹ nhưng do chưa làm được nên T đã chuyển hồ sơ của những người này cho Trương Hoàng G ở Sài Gòn để làm thủ tục cho họ đi Nhật Bản và G còn nhờ T nhận hộ tiền của một số người nhưng của ai T không nhớ. T không thừa nhận tiền, tư vấn, hướng dẫn cách đối phó với cơ quan chức năng, tổ chức, tư vấn cho ông Lê Xuân H, ông Lê Văn L, ông Ngô Xuân L, ông Ngô Bình A, ông Hoàng Thanh H, chị Phan Thị D, ông Nguyễn Văn H, anh Phan Hữu T cũng như 20 lao động trong đoàn đi Nhật Bản ngày 14/11/2016.

Xét thấy:

Hợp đồng dịch vụ du lịch số: JP16-1411/HD-HT ngày 02/11/2016 được ký kết giữa Công ty TNHH thương mại du lịch kỳ nghỉ Q với 20 người do ông Trần Văn Đ đại diện về mặt pháp lý là hợp đồng hợp pháp. Thủ tục xuất cảnh tại Việt Nam và nhập cảnh vào Nhật Bản theo hợp đồng trên đã được các cơ quan có thẩm quyền của hai nước Việt Nam, Nhật Bản thực hiện trên cơ sở kiểm tra, kiểm soát thủ tục pháp lý chặt chẽ, nghiêm ngặt bao gồm: cấp hộ chiếu, Visa, đóng dấu thị thực xuất nhập cảnh... nên không chưa có đủ cơ sở để kết luận 20 người nêu trên trong hợp đồng đã trốn đi nước ngoài trái phép. 20 người này chỉ có hành vi ở lại nước ngoài trái phép khi bỏ trốn khỏi sự quản lý của hướng dẫn viên du lịch tại Nhật Bản vào ngày 16/11/2016.

Quá trình điều tra có thu thập được 05 Hợp đồng lao động giả cùng một số tài liệu giả khác, thể hiện không đúng nghề nghiệp và nơi làm việc của 05 người trong hồ sơ kèm theo hợp đồng du lịch. Quá trình điều tra chưa xác định đúng thực chất động cơ, mục đích của việc làm giả các tài liệu trên để làm gì, vì nếu như để hợp thức hóa hồ sơ du lịch như Kết luận điều tra, Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã nêu thì chưa phù hợp vì theo quy định của pháp luật hiện hành, đối tượng được đi du lịch Nhật Bản không chỉ là những người làm công nhân

của một công ty nào đó mà có thể là những người khác đủ điều được phép xuất cảnh và nhập cảnh. Trong vụ án này, vai trò của bị cáo T như thế nào trong việc làm giả các tài liệu nêu trên các cơ quan tiến hành tố tụng cũng chưa điều tra, làm rõ. Vì vậy, chưa đủ căn cứ để kết luận bị cáo T đã tổ chức cho 20 người trên trốn đi nước ngoài trái phép.

Các Bản cam kết do bị cáo T ký và đóng dấu của Công ty Hà A (do T làm giám đốc) sẽ là một trong những chứng cứ để có thể xem xét xử lý bị cáo T về hành vi tổ chức người khác ở lại nước ngoài trái phép, chỉ khi có các chứng cứ khác chứng minh bị cáo T có móc nối với những người khác để tổ chức cho 20 người trong đoàn du lịch trên ở lại Nhật Bản trái phép; khi đó, hành vi của bị cáo T cấu thành tội *"Tổ chức cho người khác ở lại nước ngoài trái phép"* mà không phải là tội *"Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép"* như Bản án sơ thẩm đã xét xử.

Quá trình điều tra bị cáo T khai chưa bao giờ đi Nhật Bản và cũng không hề móc nối với bất kỳ ai để tổ chức cho 20 người trên ở lại Nhật Bản trái phép. Ngoài những cam kết do bị cáo T ký đã được thu giữ thì quá trình điều tra chưa thu thập được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bị cáo T có móc nối với những người khác để tổ chức cho 20 người trên ở lại trái phép tại Nhật Bản.

Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội *"Tổ chức cho người khác ở lại nước ngoài trái phép"* là chưa đủ căn cứ vững chắc. Mặc khác, với những chứng cứ hiện có cũng chưa đủ căn cứ để xét xử bị cáo T về tội *"Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép"* như đã phân tích trên.

Hành vi bị cáo T nhận tiền của nhiều người với lý do đưa ra là để lo cho họ được đi Nhật Bản và ở lại Nhật Bản lao động là có thật. Nếu căn cứ lời khai của bị cáo T thì bị cáo không có khả năng và cũng không hề cấu kết với ai để tổ chức cho những người mà bị cáo đã nhận tiền được ở lại Nhật Bản lao động sau khi họ đã trốn khỏi sự quản lý của hướng dẫn viên du lịch tại Nhật Bản vào ngày 16/11/2016. Do đó, hành vi bị cáo T nhận tiền nêu trên có dấu hiệu của tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* nhưng chưa được điều tra làm rõ để kết luận và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội *"Tổ chức cho người khác ở lại nước ngoài trái phép"* là chưa đủ căn cứ. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản",* cần phải được điều tra làm rõ để xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Vì các lý do nêu trên nên cần hủy án sơ thẩm điều tra lại.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm để điều tra lại, đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên bị cáo không

phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình để điều tra lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình (kèm hồ sơ vụ án);
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long